

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2023/DS-ST
Ngày: 24-11-2023
V/v “V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hữu Bình;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến– Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 337/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2023/QĐXXST-DS ngày 13/10/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Thu T, sinh năm 1980; HKTT: Ấp C, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1986; HKTT: Ấp C, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 07/7/2023, quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn bà T trình bày:**

Bà T có hùn vốn mua đất chung với bà Nguyễn Thị P một phần đất có diện tích ngang 15m, dài 50m tọa lạc tại xã Minh Tân, huyện Dầu Tiếng, Bình Dương với số tiền 1.000.000.000 đồng. Ngày 25/4/2022, bà P mượn của bà T

600.000.000 đồng. Sau đó, bà T đã trả lãi nhiều lần cho bà P với tổng số tiền 135.000.000 đồng.

Ngày 18/7/2023, bà T khởi kiện bổ sung yêu cầu bà P thanh toán tiền hùn vốn 1.090.000.000 đồng là tiền góp vốn mua 03 phần đất (phần đất ngang 06m, dài 42m tọa lạc tại xã Minh Tân, huyện Dầu Tiếng, Bình Dương; phần đất ngang 10m, dài 100m tọa lạc tại xã Minh Hòa, huyện Dầu Tiếng, Bình Dương; phần đất ngang 20m, dài 50m tọa lạc tỉnh Tây Ninh và phần đất ngang 07m, dài 100m tọa lạc tại khu phố 6, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, Bình Dương).

Ngày 20/9/2023, bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện đòi với 1.000.000.000 đồng tiền góp vốn mua phần đất có diện tích ngang 15m, dài 50m tọa lạc tại xã Minh Tân, huyện Dầu Tiếng, Bình Dương và 1.090.000.000 đồng tiền góp vốn mua 03 phần đất (phần đất ngang 06m, dài 42m tọa lạc tại xã Minh Tân, huyện Dầu Tiếng, Bình Dương; phần đất ngang 10m, dài 100m tọa lạc tại xã Minh Hòa, huyện Dầu Tiếng, Bình Dương; phần đất ngang 20m, dài 50m tọa lạc tỉnh Tây Ninh và phần đất ngang 07m, dài 100m tọa lạc tại khu phố 6, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, Bình Dương).

Ngày 22/11/2023, bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà P thanh toán 465.000.000 đồng trong tổng số 600.000.000 đồng tiền vay, không yêu cầu bà P thanh toán 135.000.000 đồng.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Đơn khởi kiện ngày 07/7/2023; bản tự khai ngày 07/7/2023; giấy ghi chép góp vốn và ghi nợ, đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/7/2023; biên bản lấy lời khai nguyên đơn ngày 20/9/2023, đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 20/9/2023 và ngày 22/11/2023.

**** Theo biên bản lấy lời khai ngày 26/7/2023, bị đơn bà P trình bày:***

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/7/2023, bị đơn bà P thừa nhận có nhận tiền hùn vốn mua đất của bà T nhiều phần đất khác nhau với tổng số tiền 2.090.000.000 đồng. Tuy nhiên các phần đất hùn tiền mua chung chưa bán được nên bà P chưa có tiền trả cho bà T.

Đối với số tiền 600.000.000 đồng mà bà T khởi kiện là thì bà P cho rằng đây là tiền bà P giới thiệu và mượn giùm cho ông Tân. Ông T dùng số tiền này để góp vốn mua chung miếng đất ở Minh Hòa, Dầu Tiếng, Bình Dương. Về địa chỉ, năm sinh của ông Tân thì bà P không rõ. Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà T thì bà P không đồng ý. Về nội dung giấy ghi chép góp vốn và tiền mượn là do bà P ghi nội dung và ký tên xác nhận.

Chứng cứ bị đơn cung cấp: Biên bản lấy lời khai ngày 26/7/2023.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:***

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn

được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử cho phiên tòa được tiếp tục để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Về thủ tục tố tụng, không kiến nghị bổ sung hay đề nghị khắc phục. Về nội dung vụ án, bà P có thừa nhận mượn giùm ông Tân 600.000.000 đồng để cho ông T mượn góp vốn mua đất nên bà P phải có trách nhiệm trả nợ cho bà T. Trường hợp nếu như bà P mượn giùm cho ông T mà ông T không thanh toán thì bà P có quyền khởi kiện ông T nếu có chứng cứ chứng minh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với yêu cầu rút đơn khởi kiện về tranh chấp tiền góp vốn và số tiền 135.000.000 đồng, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[2] Bị đơn bà P có hộ khẩu thường trú tại ấp C, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng. Quan hệ pháp luật tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà T yêu cầu bà P thanh toán số tiền gốc 600.000.000 đồng. Ngày 22/11/2023, bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà P thanh toán 465.000.000 đồng. Xem xét chứng cứ nguyên đơn cung cấp thấy rằng:

[3.1] Nguyên đơn cung cấp chứng cứ là bản chính giấy ghi chép việc góp vốn mua đất và ghi chép tiền vay (*không ghi ngày tháng*), cụ thể khoản vay có ghi nội dung “*Tôi có nhận từ chị T tiền mượn đưa anh Tân mượn với số tiền 600.000.000 sáu trăm triệu đã trả tổng 135.000.000 (một trăm ba mươi lăm triệu)*”. Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/7/2023, bị đơn bà P thừa nhận nội dung giấy ghi chép trên là do bà P ghi toàn bộ nội dung, ký tên xác nhận nợ; bà P còn trình bày có nhận tiền từ bà T rồi đưa cho ông T mượn và nhận tiền góp vốn mua đất của bà T là 2.090.000.000 đồng. Việc thống nhất trên giữa nguyên đơn và bị đơn là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy, việc bị đơn bà P có mượn tiền của nguyên đơn bà T là có thật, sau khi trừ số tiền bị đơn đã thanh toán là 135.000.000 đồng thì bị đơn còn nợ lại 465.000.000 đồng.

[3.2] Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/7/2023, bà P cho rằng tiền mượn đưa cho ông Tân là tiền để ông Tân góp vốn mua đất chung giữa bà P, bà T, ông

T. Lời khai của bị đơn không được nguyên đơn thừa nhận, không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày không biết ông T là ai, ở đâu, ông T cũng không có ký tên trong giấy mượn nợ. Nguyên đơn chỉ biết cho bà P mượn tiền nên chỉ yêu cầu bà P thanh toán, còn ông T không có liên quan đến khoản vay của bà T.

[3.4] Từ chứng cứ nguyên đơn cung cấp, sự thừa nhận của bị đơn và các phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[4] Các vấn đề khác: Bị đơn bà P trình bày không biết rõ năm sinh và địa chỉ cụ thể của ông Tân. Tòa án yêu cầu bị đơn cung cấp thông tin về năm sinh, hộ khẩu thường trú, địa chỉ sinh sống cụ thể (*có số nhà, tên đường, khu phố*) của ông Tân (là người được bà P cho mượn tiền để góp vốn mua đất), cung cấp chứng cứ chứng minh số tiền bà P mượn 600.000.000 đồng của bà T là để cho ông T góp vốn mua đất ở Minh Hòa, Dầu Tiếng, Bình Dương nhưng bị đơn không cung cấp được. Do đó, Tòa án không thể đưa ông Tân tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Trường hợp nếu như bà P mượn giùm cho ông T 600.000.000 đồng mà ông T không thanh toán cho bà P thì bà P có quyền khởi kiện ông T để giải quyết trong một vụ án khác.

[5] Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền góp vốn mua đất là 2.090.000.000 đồng và rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà P thanh toán 135.000.000 đồng tiền nợ. Đây là sự tự nguyện của bà T, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến về phần các thủ tục tố tụng, diễn biến tại phiên tòa và nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Võ Thị Thu T đối với bà Nguyễn Thị P.

Buộc bà Nguyễn Thị P phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Võ Thị Thu T số tiền 465.000.000 đồng (bốn trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thu T đối với bà Nguyễn Thị P về số tiền 135.000.000 đồng (*một trăm ba mươi lăm triệu đồng*).

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thu T đối với bà Nguyễn Thị P về số tiền góp vốn mua đất 2.090.000.000 đồng (*hai tỷ không trăm chín mươi triệu đồng*).

4. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị P phải chịu 22.600.000 đồng (hai mươi hai triệu sáu trăm ngàn đồng).

- Hoàn trả cho bà Võ Thị Thu T số tiền 42.900.000 đồng (bốn mươi hai triệu chín trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0009162 ngày 10/7/2023 và biên lai thu số AA/2021/0009224 ngày 21/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Nam

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lệ Mỹ Nguyễn Thị Kim Phi

Nguyễn Tuấn Nam

